TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **191/**2019/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 01 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 154/2019/HNST ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1990;
Địa chỉ: số 86/2/27 đường Ông Ích Khiêm, phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người yêu cầu:* Ông Phạm Minh N, sinh năm 1986;
Hộ khẩu thường trú: số 86/2/27 đường O, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.
Chỗ ở hiện nay: số 47/14A đường H, phường T, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T và ông Phạm Minh N tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2013, quyển số 01/2013, do UBND phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/01/2013.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng ý kiến, thường xuyên gây gỗ, cải vã với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay hai bên nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông N và bà T xác định trong thời gian chung sống có 01 con chung là Phạm Trần Nhật H, sinh ngày 20/02/2014. Sau khi ly hôn, hai bên thống nhất giao con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 3.000.000 đồng/tháng. Đóng vào ngày đầu tiên hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Ông N và bà T xác định không có.

Về nợ chung: Ông N và bà T xác định không có.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T và ông Phạm Minh N thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị Thu T và ông Phạm Minh N chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2013, quyển số 01/2013, ngày 12/01/2013 do UBND phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông N và bà T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Trần Nhật H, sinh ngày 20/02/2014. Sau khi ly hôn, hai bên thống nhất giao con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 3.000.000 đồng/tháng. Đóng vào ngày đầu tiên hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Trong trường hợp ông N không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông N hoặc bà T hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Trường hợp bà T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông N, nếu bà T không thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Bà T và ông N xác định không có.

- Về nợ chung: Bà T và ông N xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Trần Thị Thu T và ông Phạm Minh N phải nộp là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng 300.000 đồng bà T và ông N đã nộp theo Biên lai thu số 0012581 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND quận C;
- Chi cục THADS quận C;
- UBND phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thùy Trang